

PHẠM QUANG HÙNG



*H*ỏi đáp ÚM GÀ CON, GỘT VỊT CON



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

PHẠM QUANG HÙNG

Hỏi đáp
ÚM GÀ CON, GỘT VỊT CON

(Tái bản lần 2)

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2008

THE NEW YORK PUBLIC LIBRARY

ASTOR LENOX TILDEN FOUNDATION

500 FIFTH AVENUE, NEW YORK, N. Y.

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

1911

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam có khí hậu nhiệt đới gió mùa, cây cối xanh tốt quanh năm, ngoài ra còn đan xen chi chút những đầm, ao, sông, ngòi và kênh rạch. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chăn nuôi gia cầm, thủy cầm, đặc biệt là gà vịt.

Hiện nay cả nước có khoảng 1230 trang trại chăn nuôi gà với quy mô lớn, phần còn lại vẫn là chăn nuôi hộ gia đình với quy mô vừa và nhỏ. Chính vì vậy việc tự túc con giống và chăm sóc, nuôi dưỡng gà, vịt con từ khi bóc trứng là một việc làm thường xuyên, liên tục của người chăn nuôi. Có như vậy mới tiết kiệm được vốn và chủ động sản xuất.

Tuy nhiên, ume gà con, gột vịt con lại là khâu kỹ thuật quan trọng nhất đòi hỏi người chăn nuôi cần có một chút kiến thức về các đặc điểm sinh học của gà vịt mới nở để từ đó hạn chế đến mức thấp nhất sự hao hụt con giống vốn cũng là một sự đầu tư lớn.

Để góp phần giúp bà con nông dân thêm kinh nghiệm trong phương pháp nuôi ume gà, vịt một ngày tuổi có hiệu quả cao, Nhà xuất bản Nông nghiệp xin trân trọng giới thiệu cuốn sách “Hỏi đáp ume gà con, gột vịt con” của tác giả Phạm Quang Hùng.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng để biên soạn ngắn gọn, dễ hiểu nhưng chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được sự đóng góp ý kiến của bà con chăn nuôi để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Nhà xuất bản Nông nghiệp

the first of these is the fact that the
the second is the fact that the
the third is the fact that the
the fourth is the fact that the
the fifth is the fact that the
the sixth is the fact that the
the seventh is the fact that the
the eighth is the fact that the
the ninth is the fact that the
the tenth is the fact that the
the eleventh is the fact that the
the twelfth is the fact that the
the thirteenth is the fact that the
the fourteenth is the fact that the
the fifteenth is the fact that the
the sixteenth is the fact that the
the seventeenth is the fact that the
the eighteenth is the fact that the
the nineteenth is the fact that the
the twentieth is the fact that the
the twenty-first is the fact that the
the twenty-second is the fact that the
the twenty-third is the fact that the
the twenty-fourth is the fact that the
the twenty-fifth is the fact that the
the twenty-sixth is the fact that the
the twenty-seventh is the fact that the
the twenty-eighth is the fact that the
the twenty-ninth is the fact that the
the thirtieth is the fact that the
the thirty-first is the fact that the
the thirty-second is the fact that the
the thirty-third is the fact that the
the thirty-fourth is the fact that the
the thirty-fifth is the fact that the
the thirty-sixth is the fact that the
the thirty-seventh is the fact that the
the thirty-eighth is the fact that the
the thirty-ninth is the fact that the
the fortieth is the fact that the
the forty-first is the fact that the
the forty-second is the fact that the
the forty-third is the fact that the
the forty-fourth is the fact that the
the forty-fifth is the fact that the
the forty-sixth is the fact that the
the forty-seventh is the fact that the
the forty-eighth is the fact that the
the forty-ninth is the fact that the
the fiftieth is the fact that the
the fifty-first is the fact that the
the fifty-second is the fact that the
the fifty-third is the fact that the
the fifty-fourth is the fact that the
the fifty-fifth is the fact that the
the fifty-sixth is the fact that the
the fifty-seventh is the fact that the
the fifty-eighth is the fact that the
the fifty-ninth is the fact that the
the sixtieth is the fact that the
the sixty-first is the fact that the
the sixty-second is the fact that the
the sixty-third is the fact that the
the sixty-fourth is the fact that the
the sixty-fifth is the fact that the
the sixty-sixth is the fact that the
the sixty-seventh is the fact that the
the sixty-eighth is the fact that the
the sixty-ninth is the fact that the
the seventieth is the fact that the
the seventy-first is the fact that the
the seventy-second is the fact that the
the seventy-third is the fact that the
the seventy-fourth is the fact that the
the seventy-fifth is the fact that the
the seventy-sixth is the fact that the
the seventy-seventh is the fact that the
the seventy-eighth is the fact that the
the seventy-ninth is the fact that the
the eightieth is the fact that the
the eighty-first is the fact that the
the eighty-second is the fact that the
the eighty-third is the fact that the
the eighty-fourth is the fact that the
the eighty-fifth is the fact that the
the eighty-sixth is the fact that the
the eighty-seventh is the fact that the
the eighty-eighth is the fact that the
the eighty-ninth is the fact that the
the ninetieth is the fact that the
the ninety-first is the fact that the
the ninety-second is the fact that the
the ninety-third is the fact that the
the ninety-fourth is the fact that the
the ninety-fifth is the fact that the
the ninety-sixth is the fact that the
the ninety-seventh is the fact that the
the ninety-eighth is the fact that the
the ninety-ninth is the fact that the
the hundredth is the fact that the

Câu hỏi 1: Gà con, vịt con mới nở có đặc điểm gì cần lưu ý?

Gà, vịt con lúc mới nở còn rất yếu nên chúng cần phải có những điều kiện môi trường đặc biệt.

Do nhiệt độ của cơ thể cao, gà và vịt con lại chưa có khả năng điều tiết được thân nhiệt nên ngay từ lúc mới nở ra chúng cần được sưởi ấm. Tuần đầu tiên gà, vịt con yếu nhất, cần ấm và thoáng khí. Chuồng nuôi không được để ẩm vì nếu ẩm quá dễ sinh bệnh mà khô quá làm gà và vịt con khó thở.

Gà, vịt con cần ánh sáng vừa đủ. Trong ba tuần đầu có thể dùng đèn điện, bếp than để sưởi và thắp sáng cả ngày đêm. Tuần thứ tư có thể thắp sáng 20 giờ mỗi ngày.

Gà, vịt con rất chóng lớn, thích hoạt động nhưng trong tuần lễ đầu do trao đổi chất của cơ thể còn thấp, cần tạo điều kiện môi trường tốt thì gà, vịt con mới được khoẻ mạnh chóng lớn.

Cơ quan tiêu hoá của gà, vịt con phát triển chưa hoàn chỉnh, nhất là dạ dày cơ và các tuyến tiết của dạ dày tuyến. Nếu gặp thức ăn quá cứng và nhiều xơ thì sự tiêu hoá sẽ bị trở ngại.

Khả năng điều tiết thân nhiệt cũng chưa hoàn chỉnh. Thân nhiệt còn chịu ảnh hưởng của môi trường bên ngoài. Gà, vịt con có thân nhiệt thay đổi khi nhiệt độ bên ngoài xuống thấp quá dưới 15°C hoặc quá cao trên 38°C . Do đó

gà vịt con rất nhạy cảm với sự thay đổi nhiệt độ của môi trường bên ngoài.

Hoạt động thần kinh và điều tiết thể dịch của gà, vịt con còn đơn điệu. Phản xạ có điều kiện chưa hình thành.

Gà, vịt con lúc mới nở còn một khối lượng lòng đỏ trứng chưa được sử dụng hết trong thời kỳ phát triển phôi. Sau khi nở ra, khối lòng đỏ đó còn tiếp tục tham gia vào việc tạo nguồn dinh dưỡng cho các bộ phận của cơ thể. Phần chủ yếu của lòng đỏ là protein, vì vậy những ngày đầu tiên nếu cho gà, vịt con ăn thức ăn có tỉ lệ protein quá cao sẽ làm chậm hoặc ngừng quá trình tiêu phân lòng đỏ còn lại. Mặt khác nếu không được tiêu hết thì phần lòng đỏ còn lại sẽ trở thành một cơ quan đặc biệt gây tác hại cho quá trình sinh trưởng.

Câu hỏi 2: Ở Việt Nam hiện nay thường nuôi những giống gà, vịt nào?

Gà Ri

Gà được nuôi lấy thịt, trứng và nuôi nhiều ở khắp nơi trong cả nước. Màu lông không đồng nhất. Gà mái thường có lông màu vàng và màu nâu thẫm hoặc nhạt, gà trống lông màu tía hoặc nhiều màu sắc.

Đầu thanh, đa số mào đơn, có con mào nụ. Da và chân màu vàng. Khối lượng trung bình của gà trống từ 1,8 - 2,5 kg, gà mái từ 1,2 - 1,8 kg. Gà mái nuôi khoảng 5-6 tháng là bắt đầu đẻ. Sản lượng trứng cho từ 80-120 quả/mái/năm. Khối lượng trứng trung bình từ 38-42g.

Gà Mía

Nuôi theo hướng lấy thịt, gà được nuôi nhiều ở Tùng Thiện, Hà Tây. Lông gà mái màu nâu xám hoặc vàng, gà trống lông màu tía. Đầu to, mắt sâu, mào đơn, chân thô, da bụng đỏ. Khối lượng gà mái: 2,5-3kg, gà trống: 3,5-4kg. Gà mái nuôi khoảng 7-8 tháng là bắt đầu đẻ. Sản lượng trứng mỗi năm cho 55-65 quả. Khối lượng trứng từ 52-58g.

Gà Đông Cảo

Gà nuôi hướng lấy thịt có nguồn gốc ở Khoái Châu, Hưng Yên. Lông gà mái màu nâu hoặc nâu hung, gà trống lông màu tía.

Đầu to, mào nụ, mắt sâu, chân to. Khối lượng gà mái: 2,3-3kg, gà trống: 3,2-4kg, nuôi khoảng 7-8 tháng là đẻ. Sản lượng trứng mỗi năm cho 55-65 quả. Khối lượng trứng trung bình 52-56g.

Gà Hồ

Nuôi hướng lấy thịt, gà có gốc ở Hà Bắc. Lông gà mái màu trắng sữa, gà trống lông màu tía, đầu to, cổ to, da đỏ. Khối lượng gà mái: 2,5-3kg, gà trống: 3,5-4kg. Nuôi 8 tháng thì đẻ. Sản lượng trứng mỗi năm cho 55-60 quả. Khối lượng trứng: 52-58g.

Gà Lơ Go (Leghorn)

Gà nuôi hướng lấy trứng có nguồn gốc từ Italia. Gà có lông màu trắng, mào đơn rất phát triển, gà mái khi đã đẻ mào ngả về một bên, dái tai màu trắng xanh, da trắng, chân vàng. Khối lượng gà mái: 1,5-2kg, gà trống: 1,8-2,5

kg. Gà nuôi 5- 6 tháng là đẻ. Sản lượng trứng mỗi năm cho 220-250 quả/mái/năm. Khối lượng trứng: 57-60g.

Gà Rốt (Rhode Island)

Nuôi hướng lấy trứng và thịt, gà có nguồn gốc từ Mỹ. Gà lông màu nâu bóng hoặc cánh dán. Mào đơn có nhiều khía, dái tai đỏ, chân màu vàng. Khối lượng gà mái: 2,2 - 2,5kg, gà trống: 3,5 - 3,6kg. Tuổi đẻ từ 6 - 7 tháng. Sản lượng trứng mỗi năm cho 170- 180 quả. Khối lượng trứng: 55 - 58g

Gà Hybro

Nuôi theo hướng chuyên thịt, gà được nhập từ Cuba có rất nhiều dòng. Gà có màu lông trắng, ánh bạc, mào đơn đỏ tươi. Da, mỏ, chân màu vàng nhạt. Khối lượng lúc trưởng thành gà mái: 4,2-4,5kg, gà trống 5-5,5kg. Sản lượng trứng cho khoảng 150 quả/mái/năm.

Gà Gold-line 54

Gà được nhập từ Hà Lan, là giống chuyên trứng. Gà mái lông màu nâu, gà trống lông màu trắng. Gà có năng suất trứng cao từ 280 - 360 quả/mái/năm. Khối lượng trứng trung bình: 56 - 60g

Gà Brown Nick

Gà được nhập từ Mỹ, là giống gà chuyên trứng có năng suất trứng cao cho trên 300 quả/mái/năm. Khối lượng trứng trung bình khoảng 60g. Gà mái có lông màu nâu, gà trống có lông màu trắng.

Gà Hy-line

Gà được nhập từ Mỹ. Gà mái có lông màu nâu, gà trống lông màu trắng. Gà có năng suất trứng cao trên 300 quả/mái/năm. Khối lượng trung bình của trứng trên 60g.

Gà Sasso

Gà có nguồn gốc từ Pháp, nuôi theo hướng thịt, có nhiều dòng. Gà có lông màu đỏ hoặc nâu đỏ. Gà có khối lượng từ 3,1-3,4 kg. Sản lượng trứng cho 170-180 quả/mái/năm.

Gà Kabir

Gà được nhập từ Israel nuôi theo hướng thịt, có nhiều dòng. Gà lông màu trắng và màu vàng nhạt. Khối lượng: 3-3,2kg lúc trưởng thành, gà mái nuôi 6 tháng là đẻ. Sản lượng trứng cho 130-185 quả/mái/năm.

Gà Tam Hoàng

Có nguồn gốc từ Trung Quốc, gồm nhiều dòng nuôi theo hướng trứng, thịt. Gà có lông màu cánh dán. Chân và mỏ màu vàng. Tuổi đẻ của gà mái ở 135-145 ngày. Sản lượng trứng đạt 130-160 quả/mái/năm. Khối lượng trứng trung bình 45-57g. Khối lượng gà mái 1,7-1,9kg.

Gà Lương Phượng Hoa

Gà có nguồn gốc từ Trung Quốc, nuôi theo hướng thịt. Gà có lông màu vàng, vàng đốm hoa hoặc đen đốm hoa. Mào, yếm mào, tích tai màu đỏ. Gà có mào đơn. Khối lượng: 2,1-2,7kg, nuôi khoảng 6 tháng là đẻ. Sản lượng trứng từ 160-170 quả/mái/năm

Vịt Cỏ

Vịt Cỏ được ở khắp các vùng trong cả nước, là giống vịt chuyên sản xuất trứng. Vịt lông có nhiều màu sắc không thuần nhất, mỏ dẹt màu vàng, cổ dài thanh tú. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên ở 134 ngày. Sản lượng trứng cho 240-250 quả/mái/năm. Khối lượng trứng trung bình 60-65g/quả.

Vịt siêu trứng QH1

Vịt có nguồn gốc từ Trung Quốc nuôi theo hướng chuyên trứng. Cổ thanh và dài, lông màu xám sáng, con cái lông cánh có vệt đen, con đực có lông màu sặc sỡ. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên là 112 ngày. Khối lượng trứng trung bình là 64,97g. Sản lượng trứng cho khoảng 300 quả/mái/năm.

Vịt Khakicampbell

Vịt có nguồn gốc từ nước Anh nuôi theo hướng chuyên trứng. Lông vịt màu kaki. Vịt đực nặng 2,2-2,4kg, vịt cái nặng 2-2,2 kg. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên là 113 ngày. Sản lượng trứng đạt 240-280 quả/mái/năm. Khối lượng trứng trung bình là 64,6g.

Vịt CV2000 Layer

Vịt CV2000 Layer là giống chuyên trứng có nguồn gốc từ nước Anh. Vịt có màu lông trắng tuyền. Vịt có tuổi đẻ quả trứng đầu tiên là 138 ngày. Khối lượng vịt mái bắt đầu đẻ: 1,42 kg. Sản lượng trứng: 275-285 quả/mái/năm với khối lượng trứng trung bình là 71,49g/quả.

Vịt Bầu

Vịt Bầu có nguồn gốc ở Phú Quỳ, Nghệ An. Vịt cũng được nuôi rộng rãi trong cả nước theo hướng chuyên thịt. Màu sắc lông không thuần nhất, đa số có màu nâu, một số lông loang trắng đen và xám. Nhiều lông ở cánh có màu xanh biếc. Dáng đi nặng nề lúc lắc sang hai bên. Con đực cổ có lông màu xanh biếc, một số con có vòng lông trắng. Khối lượng: 2-2,4kg. Sản lượng trứng trung bình 80-90 quả/mái/năm. Khối lượng trứng: 75-80g. Vịt nuôi 160 ngày tuổi là đẻ.

Câu hỏi 3: Làm thế nào để chọn được con giống mới nở tốt?

Chọn giống gà, vịt phải phù hợp với mục đích sản xuất, nếu nuôi lấy thịt phải chọn mua đúng giống gà vịt hướng thịt. Nếu nuôi lấy trứng thì phải chọn nuôi đúng giống gà, vịt hướng trứng.

Gà, vịt con lúc mới nở được chọn riêng, phân thành 3 loại: I, II và III.

- Những con gà, vịt khoẻ mạnh gọi là gà vịt loại I phải đạt các tiêu chuẩn như sau:
 - Có khối lượng bằng 63-65% khối lượng của trứng lúc bắt đầu đưa vào ấp.
 - Lông bông và mịn.
 - Chân bóng, cứng và thẳng.
 - Mắt sáng, tròn và linh hoạt.
 - Mỏ chắc, thẳng và khít.

- Rốn kín, khô, vùng thon và gọn.
- Hậu môn khô.
- Những con yếu hơn gọi là loại II:
 - Lông ướt và bẩn.
 - Chân khô, khoèo hoặc cong.
 - Đứng không vững.
 - Mắt lơ mơ
 - Mỏ vẹo
 - Dáng yếu ớt, chậm chạp, hay nằm.
 - Rốn hở, bụng nặng.
 - Hậu môn dính phân
- Gà, vịt con loại III là những con còn lại. Việc phân loại khác nhau nhằm định ra chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng thích hợp.

Câu hỏi 4: Yếu tố nào ảnh hưởng đến chất lượng úm gà, vịt?

1. Chuồng trại và phương tiện chăn nuôi

Yêu cầu chuồng trại phải thuận lợi cho người chăn nuôi để nuôi dưỡng chăm sóc hàng ngày.

Nếu chăn nuôi lớn chuồng trại nên đặt ở khu vực đất đai kém giá trị về mặt trồng trọt để không lãng phí.

Chuồng trại đặt ở nơi có địa hình tương đối bằng phẳng, cao ráo, dễ thoát nước.

Để đỡ tốn kém thì làm chuồng theo phương thức nuôi trên nền có đệm lót, tiết kiệm được chi phí và phù hợp với người chăn nuôi.

Để tiết kiệm chi phí cho người chăn nuôi, chuồng trại có thể làm đơn giản nhưng phải che được mưa, nắng, chống được gió lùa.

Các dụng cụ chăn nuôi phải được vệ sinh sạch sẽ, có rào chắn thú dữ.

Bộ phận sưởi ấm để cung cấp nhiệt cho gà, vịt có thể dùng chập điện hoặc bếp than... Cần có lưới bảo vệ.

Rèm che có thể làm bằng ni lông, cốt, bạt...

Quây có thể làm bằng cốt, bìa cứng

Máng ăn, máng uống có thể làm bằng tôn, nhựa theo kiểu dài hoặc tròn.

2. Thức ăn chuẩn bị để úm gà, vịt

Thức ăn dùng để úm gà vịt gồm:

- Thức ăn bột đường: ngô, tấm gạo, cám, hạt kê, khoai, sắn.

- Thức ăn đậm động vật: Bột cá, bột thịt, bột máu, các loại động vật thiên nhiên như tôm, cua, cá, ốc, hến, giun...

- Thức ăn đậm thực vật: đậu tương, vừng, lạc, khô dầu, các loại đậu đỗ khác.

- Thức ăn nhiều sinh tố: Các loại củ, quả như bí ngô, cà rốt, cà chua và các loại rau như rau diếp, rau lá, rau muống...

- Thức ăn khoáng: Bột vỏ sò, bột vỏ trứng, bột xương, muối ăn, cát sỏi...

- Thức ăn kháng sinh như Penicillin, streptomycin...

- Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh.

3. Chế biến thức ăn cho gà, vịt

- Các loại hạt cần xay thành bột.

- Nấu chín các loại hạt như gạo, ngô mảnh và các loại thức ăn củ, quả rồi bóp nhỏ.

- Thức ăn rau xanh cần thái nhỏ.

- Nạo nhỏ các loại thức ăn, bầu, bí, cà rốt...

4. Nước uống

Nước uống để úm gà, vịt phải dùng nguồn nước sạch.

- Máng uống phải chú ý để không bị khô cạn. Nếu bị khát, khi gặp nước, gà vịt sẽ uống quá nhiều gây rối loạn sinh lý và có thể chết.

- Hàng ngày phải thay thức ăn nước uống

Câu hỏi 5. Úm gà con cần được chú ý và chăm sóc như thế nào?

1. Những điều cần chú ý

Gà con nuôi úm trong 4 tuần tuổi đầu cần phải hết sức chu đáo cẩn thận. Không được tùy tiện, gặp giống

nào cũng nuôi, có thức ăn gì cũng cho ăn, nhốt tùy tiện vào thùng gỗ hay thùng giấy quá chật chội... dễ gây thiệt hại lớn.

- Người chăn nuôi phải thường xuyên quan sát đàn gà, phát hiện con ốm, con bị mắc bệnh để nuôi riêng. Nếu thấy đàn gà chậm lớn cần tăng cường nuôi dưỡng, chăm sóc tốt hơn.

- Nuôi gà úm có thể tận dụng chỗ để nuôi, tận dụng các nguyên vật liệu sẵn có để làm chuồng, làm quây, tận dụng các loại thức ăn ở địa phương sẵn có để giảm chi phí.

- Nuôi gà úm phải chú ý về sinh phòng bệnh, tiêm phòng theo định kỳ. Cần phát hiện bệnh sớm để chữa kịp thời.

- Nuôi gà úm vào mùa rét khó hơn vào mùa ấm vì phải sưởi thường xuyên do gà dễ chết rét.

2. Kỹ thuật nuôi dưỡng chăm sóc gà úm

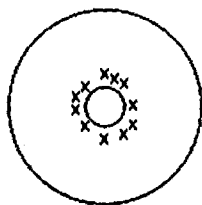
• Tuần đầu tiên

Nuôi úm trong quây trên nền có đệm lót cần sưởi ấm cho gà, nếu sưởi ấm hợp lý gà con sẽ khỏe mạnh.

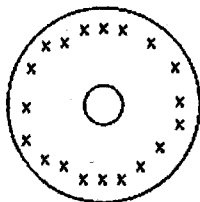
- Khi nhiệt độ thấp gà con thường cụm lại với nhau, ít hoạt động, nằm thành đống. Gà không chịu ăn uống, kêu nhiều.

- Khi nhiệt độ cao gà uống nhiều nước, ăn ít hoặc không ăn, há mỏ thở và tản xa nguồn nhiệt, nằm sã cánh. Gà yếu và chậm lớn.

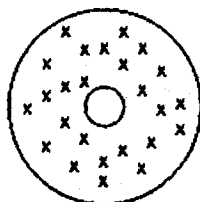
- Khi nhiệt độ đủ ấm, gà ăn khỏe, hoạt động bình thường, phân tán đều trong quây.



Nguồn nhiệt quá lạnh



Nguồn nhiệt quá nóng



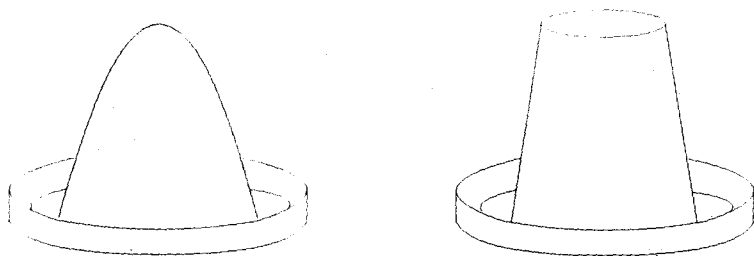
Nguồn nhiệt vừa phải

Ngày đầu tiên nhận gà về chỉ cần cho uống nước sạch. Bữa đầu tiên cho gà ăn phải sau 24 giờ tính từ khi nở. Hàng ngày phải thường xuyên kiểm tra khay ăn, máng uống, nếu sắp hết phải bổ sung ngay. Buổi tối trước khi đi ngủ cần kiểm tra đầy đủ từ sưởi ấm đến thức ăn, nước uống, che rèm giữ ấm ban đêm. Nếu thức ăn bị dỉ chặt thì đảo đều cho gà ăn.

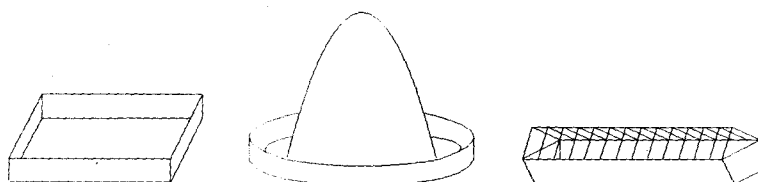
Cần quan sát đàn gà, nếu con nào yếu, hậu môn ướt do ỉa chảy, đau mắt, què chân... thì bắt ra nuôi riêng để chữa.

- Tuần thứ hai

Giai đoạn này gà chóng lớn, lông cánh đã mọc rõ, gà nhanh nhẹn tìm kiếm thức ăn, lông bông, mắt sáng. Ta có thể thay khay ăn, khay uống bằng máng uống dài có rào chắn để gà thò đầu vào ăn, uống.



Hình 2: Một số kiểu máng uống



Hình 3: Một số kiểu máng ăn

- Tuần thứ ba

Vẫn tiếp tục đảm bảo nhiệt độ sưởi ấm. Nếu trời ấm và nắng thì bỏ rèm che, mở cửa cho ánh nắng tràn vào nhà úm vài giờ, đồng thời thay đổi được không khí trong nhà nuôi.

- Tuần thứ tư

Nhiệt độ trong quây khoảng 28°C . Ở tuần này chỉ cần che cho gà vào ban đêm, lúc trời lạnh hoặc gió. Gà cũng đã lớn hơn nên cần thoáng, mát, rộng rãi, cần dần mật độ chuồng nuôi. Có thể cho gà ăn thêm rau xanh non. Giai đoạn này gà cũng lớn nhanh, nếu thức ăn thiếu dinh

dưỡng, gà chậm lớn, thiếu canxi gà sẽ có biểu hiện sưng khớp chân, bị khoèo chân. Cần tăng cường thêm máng ăn, máng uống để tránh gà tranh nhau, dẫm đạp lên nhau gây rụng lông, rách da. Sau 4 tuần tuổi gà dễ nuôi, kết thúc giai đoạn ươm.

3. Nhiệt độ, ánh sáng và mật độ ươm gà con

Bảng 1: Nhiệt độ của gà con trong giai đoạn ươm .

Ngày tuổi	Quây ươm		Chuồng sưởi ấm
	Nhiệt độ nguồn sưởi (°C)	Nhiệt độ trong quây (°C)	Nhiệt độ chuồng (°C)
0 - 3	38	28 - 29	31 - 33
4 - 7	35	28	31 - 32
8 -14	32	28	29 - 31
15-21	29	28	28 - 29
22-28	29	25 - 28	23 - 28

Từ 22 đến 28 ngày nhiệt độ điều chỉnh theo độ mọc lông. Gà con chưa mọc lông rất mẫn cảm với sự biến đổi về nhiệt độ, do đó chúng không có khả năng kiểm soát tốt được thân nhiệt. Nếu lạnh, thân nhiệt sẽ giảm rất nhanh, điều này rất quan trọng nên nhiệt độ chuồng gà luôn phải đo ngay tầm gà.

+ Về ánh sáng: thời gian chiếu sáng và cường độ ánh sáng được đảm bảo như trong bảng 2:

**Bảng 2: Thời gian chiếu sáng
và cường độ ánh sáng chiếu cho gà**

Ngày tuổi	Thời gian chiếu sáng hàng ngày (giờ)	Cường độ (W/m ²)
1 - 2	22	3
3 - 4	20	3
5 - 7	17	3
8 - 10	14	2
11 - 13	11	2
14 - 28	8	1

+ Về mật độ:

Bảng 3: Mật độ trung bình của gà con

Tuần tuổi	Mật độ trung bình (con/m ²)	
	Mật độ tối thiểu	Mật độ tối đa
1	30 - 35	30 - 45
2	20 - 25	25 - 30
3	15 - 20	20 - 25
4	12 - 15	15 - 20

4. Vệ sinh thú y

*** Bước 1: Di dời**

Phân, chất độn chuồng và các dụng cụ có thể di được.
Quét sạch từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài.

** Bước 2: Chuẩn bị*

- Ngâm hệ thống cung cấp nước uống vào dung dịch formol 2%.

- Dùng vòi nước áp suất cao rửa chuồng sạch từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài.

- Để khô ráo một ngày, sửa chữa những hư hỏng.

- Sau đó phun nước vôi loãng 5% tiêu độc nền, tường, hè.

- Để khô 2 ngày rồi phun formol 2% với liều: 1 lít/1m² nền.

- Để khô rồi tiêu độc nền bằng NaOH 2% với liều: 1lít/1m² nền, sau đó quét nước vôi đặc 20% lên nền, tường, hè.

- Sau 3 - 4 ngày để nền khô ráo, bổ sung chất độn chuồng như trấu, phoi bào, mùn cưa, rơm... dày từ 10 - 15cm.

- Che xung quanh

-Sau đó sát trùng tất cả bằng formol 2% + cloramin T 1%.

- Sau một tuần sát trùng bằng formol 2% và cloramin T 1% lần hai.

- Cuối cùng các dụng cụ và trang thiết bị chăn nuôi được bố trí và kiểm tra đầy đủ, sát trùng lại bằng formol 2% + cloramin T 1%, đóng kín cửa trong 24 giờ.

- Ngoài phạm vi chăn nuôi 5 m dây cỏ và phun NaOH 2%.

- Các dụng cụ khác như: máng ăn, chụp sưởi, quây gà, bát đã rửa sạch và được ngâm trong dung dịch formol 2%, sau đó được rửa sạch bằng nước lã rồi để khô.

5. Quy trình phòng bệnh bằng vaccin

Bảng 4: Lịch phòng bệnh bằng vaccin cho đàn gà thí nghiệm

Ngày tuổi	Vaccin	Phòng bệnh	Cách dùng
1	Marek	Marek	Tiêm da gáy (0,2ml/con)
2	Bur-706 lần 1 H-120 lần 1 Avinew lần 1	Gumboro Viêm PQTN Newcastle	Trộn chung: Nhỏ mắt, mũi (2 giọt/con)
7	Nobilis Reo 1133 lần 1	Viêm khớp và hội chứng giảm hấp thu	Tiêm da gáy (0,2ml /con)
9	MA5-clone 30 lần 2 IB 4/91 lần 1 Pox Lần 1	Newcastle +Viêm PQTN IB hướng thận Đậu gà	Trộn chung: nhỏ mắt, mũi Chủng da cánh
11	Cắt mỏ, móng		
13	IBD-Blen lần 2	Gumboro	Nhỏ mắt, mũi
23	IBD-Blen lần 3	Gumboro	Nhỏ mắt, mũi
28	MA5-clone 30 lần 3 IB 4/91 lần 3	Newcastle + Viêm PQTN IB hướng thận	Trộn chung: nhỏ mắt, mũi

Chú thích: PQTN: Phế quản truyền nhiễm

6. Phối hợp thức ăn cho gà con

Thức ăn của gà được tự chế biến lấy với thành phần và giá trị dinh dưỡng như trong bảng 5.

Bảng 5: Thành phần và giá trị dinh dưỡng của thức ăn

Số TT	Giai đoạn nuôi	Từ 0 - 2 tuần tuổi	Từ 3 - 4 tuần tuổi
1	Năng lượng trao đổi (kcal/kg)	3050	2950
2	Protein thô (%)	21	20
3	Tỉ lệ năng lượng/Protein	145,23	147,50
4	Methionin (%)	0,40	0,40
5	Lizin (%)	0,90	0,90
6	Ca (%)	1,20	1,00
7	P(%)	0,80	0,75
8	Nacl (%)	0,23	0,30

Thức ăn tự phối chế theo công thức.

- Cám gạo 17%

- Bột ngô 50%

- Bột xương 1%

- Đậu tương 25%

- Bột cá nhạt 7%

- Premix khoáng vitamin 2% (tính theo tổng số các loại thức ăn trên).

Ví dụ: Cụ thể khả năng sinh trưởng của 3 giống gà

Khối lượng của gà qua các tuần tuổi giai đoạn từ 0-4 tuần tuổi (gram)

Giống Tuần	Lương Phương			ISA Vedette (Trắng)			ISA-8457 (Màu)		
	n	$\bar{X} \pm m\bar{X}$	Cv (%)	n	$\bar{X} \pm m\bar{X}$	Cv (%)	$\bar{X} \pm m\bar{X}$		Cv (%)
Sơ sinh (mới nở)	60	38,64 $\pm$ 0,32	6,47	60	39,45 $\pm$ 0,36	7,14	38,89 $\pm$ 0,33		6,61
1	60	98,90 $\pm$ 1,44	11,26	60	108,38 $\pm$ 1,95	14,32	103,83 $\pm$ 1,76		13,12
2	60	207,13 $\pm$ 2,88	10,76	60	250,23 $\pm$ 2,80	8,66	218,32 $\pm$ 3,32		11,77
3	60	355,83 $\pm$ 5,96	12,97	59	576,58 $\pm$ 5,51	7,34	407,90 $\pm$ 4,64		8,82
4	60	593,21 $\pm$ 9,19	12,00	58	990,48 $\pm$ 11,99	9,22	688,42 $\pm$ 9,38		11,02

Câu hỏi 6: Gột vịt con giai đoạn 1 - 28 ngày tuổi phải làm những việc gì?

Ở nước ta nuôi vịt con mới nở trong 4 tuần đầu, người chăn nuôi thường gọi là “gột” vịt .

1. Cách chọn vịt con

Chọn vịt để gột yêu cầu phải đảm bảo đúng giống để đạt được mục đích chăn nuôi. Sau khi nở được 24 giờ kể từ khi ra khỏi vỏ, chọn những con lông đã khô, chạy tìm ăn uống nhanh nhẹn, lông bông và mịn, mắt sáng và to, chân bóng và cứng, mỏ chắc và khít.

Loại những con khoèo chân, hở rốn, bụng sệ, mỏ không khít, ỉa phân dính.

- Phần nhiều người chăn nuôi thường nuôi theo phương thức chăn thả mỗi đàn khoảng từ 50 - 300 con là vừa.

2. Nhiệt độ và độ ẩm

Gột vịt con thì yếu tố nhiệt độ và độ ẩm rất quan trọng vì nó ảnh hưởng ngay đến sức khỏe của đàn vịt. Tùy theo ngày tuổi mà nhiệt độ và độ ẩm có khác nhau để phù hợp với sinh lí của đàn vịt.

Nhiệt độ và độ ẩm thích hợp như bảng sau:

Ngày tuổi	Nhiệt độ(°C)	Độ ẩm (%)
1 - 7	28 - 30	60 - 65
8 - 14	24 - 28	60 - 65
14 - 21	22 - 24	65 - 70
22 - 28	18 - 22	65 - 70

Nếu mật độ trong chuồng cao, nhiệt độ thấp làm tăng sự toả nhiệt, vịt con dễ bị lạnh. Nếu độ ẩm cao, nhiệt độ cũng cao làm cho không khí ngột ngạt, cơ thể vịt khó toả nhiệt. Độ ẩm thấp làm chuồng trại bụi bẩn, vịt con dễ mắc bệnh đường hô hấp.

3. Ánh sáng

Sự chiếu sáng quyết định thời gian ăn và nghỉ trong ngày của vịt. Kéo dài thời gian chiếu sáng sẽ làm tăng sự đòi hỏi về thức ăn kích thích cho cơ thể phát triển nhưng lại làm giảm hiệu quả sử dụng thức ăn. Còn rút ngắn thời gian chiếu sáng sẽ có tác dụng ngược lại.

Vịt con nuôi gột trong nhà cần đảm bảo như sau:

Ngày tuổi	Giờ chiếu sáng trong ngày	Cường độ chiếu sáng (W/m^2 nền chuồng)
1 - 20	12	4
20 - 28	11	3,5

Ở những nơi nuôi vịt con có sân chơi, cần thả vịt ra sân vào những ngày ấm áp có ánh nắng. Về ban đêm có thể thả đèn cho vịt con ăn đêm hoặc có thể để điện kiểm tra với cường độ $0,3 W/m^2$ nền chuồng.

4. Chuẩn bị chuồng trại máng ăn, máng uống

- Chuồng trại gột vịt con chỉ cần làm đơn giản nhưng phải che được mưa, nắng, chống được gió lùa. Có thể làm kiểu chuồng một mái hoặc hai mái trên bờ mương, bờ đầm, bờ ao, bờ hồ có nước sạch tiện cho vịt tập bơi lội, kiếm ăn.

Dụng cụ gồm có: Dụng cụ đựng thức ăn, dự trữ thức ăn, vận chuyển thức ăn.

Hệ thống sưởi ấm: đồ sưởi điện, đèn dầu, bếp than...

Chất độn chuồng thường dùng bằng rơm, trấu, phơi bào.

- Máng ăn, máng uống:

Cứ gột 100 vịt con trong 2 tuần đầu cần 2 máng ăn 60cm x 30cm x 2cm và 2 máng uống 60cm x 30cm x 3cm. Từ tuần thứ ba phải tăng ba máng ăn và ba máng uống. Từ tuần thứ tư phải tăng thêm 4 máng ăn và 4 máng uống để vịt không chen chúc đè dẫm lên nhau. Cho vịt con uống nước sạch, tuần đầu bổ sung thêm vitamin B₁, C và khoáng vi lượng vào nước uống để giúp vịt chống bình phục sức khoẻ.

5. Thức ăn cho vịt con

Trong giai đoạn gột vịt con đòi hỏi chất dinh dưỡng cao và thức ăn phải thích hợp, cần nhiều loại thức ăn để đảm bảo cung cấp nhiều dinh dưỡng.

Các axit amin cần thiết trong khẩu phần là:

- | | |
|----------------|-------------|
| - Lyzin | 0,75 - 1% |
| - Methionin | 0,4 % |
| - Triptophan | 0,2 % |
| - Histidin | 0,25 % |
| - Phenylalanin | 0,7 - 0,8 % |

- Leuxin	0,25%
- Isoleuxin	0,5%
- Treonin	0,5%
- Vanin	0,8%

Năng lượng trao đổi: 2600 - 2800 Kcal/kg thức ăn

Tỉ lệ protein: 17- 18%.

Dưới đây là khẩu phần cụ thể:

Các loại thức ăn	Tỷ lệ
Bột cá	7%
Ngô vàng	59,2%
Tấm gạo	10%
Khô đậu lạc	5%
Đậu tương	10%
Men	3%
Muối ăn	0,3%
Bột vỏ sò	1%
Bột xương	2%
Premix khoáng vitamin	2%

Nếu trong khẩu phần thức ăn thiếu các chất đó thì có thể bổ sung thêm trong quá trình nuôi (tính trong 1 tấn thức ăn).

Vitamin A 10 triệu UI

Vitamin D₃ triệu UI

Vitamin E 5000 UI

Vitamin B₁ 2 g

Vitamin B₂ 4g

Vitamin B₁₂ 12mg

Các nguyên tố khoáng vi lượng:

Đồng 10g

Coban 10g

IK 8g

Sắt 100 g

Mangan 100g

6. Cách cho vịt con ăn

Để vịt con ăn được tốt, có thể chia ra làm 4 thời kỳ

Từ 1-3 ngày

Khi vịt con mới nở ra trong vòng 18-24 giờ đầu tiên cho vịt con nhịn đói. Vịt mới nở ra vẫn còn ít lòng đỏ chưa hấp thu hết, nó có tác dụng cung cấp chất dinh dưỡng cho vịt con những ngày đầu mới nở, do đó cho vịt con ăn quá sớm thì lòng đỏ sẽ không tiêu hoặc tiêu chậm và biến thành một tuyến gây tác hại cho sức khỏe sau này.

Sau khi nhịn đói, chỉ nên cho vịt ăn các loại thức ăn dễ tiêu như cơm hoặc ngô nghiền nấu chín. Để cơm không

dính vào mỏ vịt, cần đổ cơm nguội rồi hoà vào nước ngoáy đều, sau đó để ráo nước mới cho vịt ăn. Trong 3 ngày đầu chưa cho vịt ăn rau xanh. Lượng thức ăn trong những ngày đầu thường từ 3-4 kg gạo nấu thành cơm cho 100 vịt con mỗi ngày. Khi cho ăn cần trải cát, ni lông hoặc chiếu rồi rải đều thức ăn cho vịt khỏi chen nhau.

Không cần đổ cả thức ăn một lúc mà chỉ nên rắc ít một, vịt con ăn gần hết lại rắc tiếp để kích thích vịt con ăn được nhiều và không làm bẩn thức ăn. Mỗi ngày nên cho vịt con ăn 4-5 bữa. Các bữa ăn cần cách đều nhau. Sau mỗi bữa ăn cần cho vịt con uống nước.

Từ 4-10 ngày

Tập cho vịt con ăn mỗi, nếu là tôm, cá con thì băm nhỏ, đồng thời tập cho vịt con ăn rau xanh như bèo tấm, bèo hoa dâu, rau diếp hay rau muống non thái nhỏ. Khi tập ăn mỗi và rau xanh cần cho ăn từ ít đến nhiều. Tránh để vịt con ăn quá nhiều mỗi có thể bị bội thực. Ngoài cơm còn cho vịt con ăn ngô nghiền và cám nấu chín.

Từ 11-16 ngày

Vịt đã cứng, lớn nhanh, nếu đàn đông thì chia nhỏ để tiện việc chăm sóc và cho ăn 3 bữa mỗi ngày cách đều nhau. Lúc này thay cơm và ngô nấu chín bằng gạo, tấm hay ngô mảnh ngâm nước, có thể trộn thêm cám và rau xanh. Tăng cường cho vịt con nhiều chất đạm động vật, khoảng 1/3 số lượng thức ăn mỗi bữa, cho vịt con ăn

no, sau bữa ăn cho uống nước sạch và nghỉ ngơi. Thời kỳ này vịt con rất phàm ăn, vì vậy không cho ăn quá nhiều một lúc.

Từ 17-20 ngày

Cần tập dần cho vịt ăn thóc từ ít đến nhiều, thóc được luộc nở bung. Đến ngày 20 tập ăn thóc sống rồi bỏ hoàn toàn gạo, ngô. Vịt sẽ quen dần dần với thóc cho đến khi thả ra ngoài đồng. Ngoài thóc có thể cho ăn thêm rau, cám, khoai, sắn băm nhỏ.

Từ 21 -28 ngày tuổi

Đưa vịt đi chăn từ bãi gần rồi tới xa dần. Khi chăn thả tìm những chỗ thấp, thoải để cho vịt dễ lên xuống. Buổi trưa nắng cần cho vịt con nghỉ dưới bóng râm mát.

Ví dụ: Khả năng tăng trọng của giống vịt Cỏ và Bầu qua theo dõi thấy được

Ngày tuổi	Vịt cỏ	Vịt Bầu
1	39,2	42,6
7	53,7	63,5
14	83,2	115,3
21	153,3	217,6
28	293,2	423,4

Câu hỏi 7: Vịt con hay mắc những bệnh gì và cách phòng trị như thế nào?

1. Bệnh dịch tả vịt (Duck Plague- Duck Virus Enteritis)

Bệnh do một nhóm Herpes virus gây nên cho các loại vịt.

a) Biểu hiện của bệnh

- Vịt chết đột ngột, tỷ lệ chết cao.

- Tổn thương mạch quản nghiêm trọng.

- Xuất huyết và hoại tử, viêm màng giả ở đường tiêu hoá, rối loạn chức năng trong các cơ quan sinh sản tế bào.

Bệnh ở thể cấp nguy hiểm, hoặc ở thể mãn tính với những con khoẻ và chúng có thể mang virus trong thời gian dài.

b) Triệu chứng

Thời gian nung bệnh 3-7 ngày.

Vịt mắc bệnh uể oải, cánh sã, đi lại khó khăn, nằm bẹp trên mặt đất, ngại vận động, không chịu bơi lội. Đôi khi biểu hiện đầu tiên là viêm kết mạc mắt, mắt ươn, dịch từ mũi chảy ra sau đó dính lại với nhau. Vịt bị rụng lông, vom họng tổn thương nên vịt kêu khàn khàn, khó thở nhất là khi hoảng sợ.

Vịt bỏ ăn hoàn toàn, khát nước, ỉa chảy nước vàng, xanh, đôi khi lẫn máu, vùng quanh lỗ huyệt rất thối.

Vịt sợ ánh sáng, có biểu hiện thần kinh, tù mỗ xuống đất, vịt đực dương vật thò ra ngoài, niêm mạc có những vết loét. Vịt đẻ sản lượng trứng giảm rất mạnh.

c) Bệnh tích

- Biến đổi ở mắt, mũi và xung quanh lỗ huyết, vùng dưới da ngực bị phù.

- Lách thường teo lại, gan sưng có vân đá hoa, mặt cắt của gan có những đám hoại tử, hoặc các vòng ngoại tử và xuất huyết.

- Toàn cơ thể bị xuất huyết li ti, kết mạc, niêm mạc thực quản và ruột, màng huyết quản, màng tim (trong và ngoài), cơ tim.

Bệnh tích điển hình thường ở đường tiêu hoá, đặc biệt ở thực quản và lỗ huyết. Tuy nhiên mỗi lứa tuổi lại đặc trưng riêng của bệnh.

- Vịt bố mẹ bệnh tích chủ yếu ở tuyến Fabricius và tuyến ức, xuất huyết mô và tổn thương bộ máy sinh sản.

- Vịt con: bệnh tích chủ yếu ở các lymphoid.

d) Phòng trị bệnh

Chưa có phương pháp điều trị hiệu quả. Định kỳ tiêm phòng bằng vaccin. Biện pháp tiêm phòng bằng vaccin có thể áp dụng được cả với những đàn vịt đang bị bệnh, tuy nhiên vaccin không thể cứu được những con đang nung bệnh.

Vịt con có thể tiêm vaccin phòng bệnh lúc 2 tuần tuổi. Tiêm vaccin 1 lần không đủ gây miễn dịch trong thời gian dài nên tiêm lần thứ 2 sau đó 3-9 tuần. Qua 2 lần tiêm vịt sẽ được miễn dịch 6 tháng. Sau đó cứ 6 tháng tiêm 1 lần.

Vịt được miễn dịch sẽ truyền kháng thể cho vịt con qua trứng. Kháng thể mẹ truyền cho con thường không lớn và bị mất đi sau 2 tuần.

Dịch tả vịt lây lan rất nhanh nếu vịt được chăn thả tự do. Để phòng trừ dịch tả vịt có một số nguyên tắc quan trọng nhất trong công tác vệ sinh như sau:

- Tốt nhất chuồng trại vịt phải cách xa khu dân cư, hạn chế người đi lại, có hố sát trùng ở cổng trại. Thuốc sát trùng đổ ở hố thường là chlorine 3%. Người ra vào trại phải sát trùng giày dép, tay chân.

- Điều kiện nuôi dưỡng tốt, máng ăn, máng uống phải sạch sẽ, thức ăn, nước uống phải vệ sinh. Vệ sinh nhà ấp giữa 2 lứa ấp. Vệ sinh sát trùng các dụng cụ, chuồng trại giữa 2 lứa vịt.

- Phải chú ý tiêu diệt chuột và các loài gặm nhấm quanh khu trại.

- Vịt mới mua về phải nuôi cách ly ít nhất 3 tuần lễ.

2. Bệnh viêm gan do virus ở vịt (*Duck virus Hepatitis*)

Bệnh ít nhất do 3 chủng virus gây nên. Bệnh phổ biến khắp thế giới và được gọi là bệnh viêm gan chủng I. Bệnh lây nhiễm ở vịt con dưới 6 tuần tuổi, thông thường bệnh có ở vịt dưới 3 tuần tuổi. Vịt già không bị mắc bệnh này, bệnh được gọi là "Bệnh viêm gan truyền nhiễm do virus".

Virut có sức đề kháng cao và có thể sống lâu trong phân động vật, trong chất độn chuồng, rác rưởi, quần áo của người chăn nuôi.

a) Triệu chứng

Bệnh thường ở thể quá cấp, vịt con chết trong vòng 1-2 giờ sau khi phát bệnh. Thời gian nung bệnh từ 1-2 ngày.

Tỷ lệ chết phụ thuộc vào tính miễn cảm cá thể và tuổi của vịt. Vịt con dưới 2 tuần tuổi thiếu kháng thể mẹ truyền thường đột nhiên bị bệnh và tỷ lệ chết khá cao (từ 20-80%). Nếu vịt con có kháng thể truyền từ mẹ và vịt lớn hơn thì tỷ lệ chết ít hơn. Khi mắc bệnh vịt con uể oải, chậm chạp không chịu ăn, uống, thường bị tụt lại sau đàn. Vịt nằm quay nghiêng về một bên, chân duỗi thẳng, đầu ngoẹo về phía sau, có hiện tượng co giật, vịt lơ đãng, mất thăng bằng.

b) Bệnh tích

Những biến đổi điển hình thường thấy ở gan bị sung, có nhiều nốt xuất huyết. Có những trường hợp vịt con mắc bệnh nhưng không biểu hiện gì. Ở giai đoạn 2-4 tuần tuổi, bệnh thường bị ghép với bệnh Samonellosis. Lách sưng và có nhiều đám hoại tử, gan cũng có những đám hoại tử. Có hiện tượng viêm màng giả ở màng tim và màng bụng. Quan sát lâm sàng và giải phẫu bệnh lý có thể kết luận bệnh do virus chủng I.

Viêm gan do virus chủng II: Xuất hiện ở vịt con 10 ngày - 6 tuần tuổi, vịt bị bệnh thường khát nước và chết trong vòng 1-2 giờ từ khi xuất hiện triệu chứng. Thời gian nung bệnh từ 3-4 ngày. Virus chủng II gây chết với tỷ lệ thấp ở giai đoạn vịt con nhưng ở vịt lớn 3-6 tuần thì cao hơn.

Biến đổi bệnh gồm: Xuất huyết lan tràn, có những đốm nhỏ ở gan. Thận sưng, lách sưng, mao mạch sung huyết. Đường tiêu hoá thường rỗng, nhưng ở ruột non thường có dịch nhầy hoặc những đám xuất huyết. Đôi khi cũng xuất huyết ở tim.

Viêm gan do virus chủng III: Bệnh lý học cũng giống như chủng I, gan nhợt nhạt có nhiều đốm nhỏ, có những vòng nhỏ và hiện tượng xuất huyết nhỏ li ti. Lách nhợt nhạt.

c) Chẩn đoán phân biệt

Nếu thấy hiện tượng vịt con chết hàng loạt thì nghĩ ngay đến bệnh viêm gan do virus. Nhưng ở dịch tả, tụ huyết trùng, cầu trùng, hội chứng nhiễm trùng máu và bệnh nhiễm độc aflatoxin cũng có biểu hiện gây chết hàng loạt. Do đó phải chú ý phân biệt nhờ đặc trưng khác nữa.

Đặc điểm điển hình của viêm gan do siêu trùng là hai chân duỗi thẳng, đầu ngoẹo ra phía sau, xuất huyết ở gan, lúc đó là bệnh viêm gan do siêu vi trùng. Trong trường hợp còn do dự thì nên chẩn đoán bằng phương pháp phân lập virus để xác định chắc chắn hơn.

d) Phòng trị bệnh

Đối với chủng I: Khi bệnh bắt đầu xảy ra nên tiêm huyết thanh lấy từ những con vừa khỏi bệnh hoặc kháng huyết thanh với tỷ lệ 0,5-1ml/con sẽ làm giảm tỷ lệ chết. Những nơi bệnh xảy ra lẻ tẻ, tiêm vaccin để tạo kháng thể mẹ truyền cho con. Thường tiêm bắp 2 mũi: mũi 1 lúc 4-6 tuần tuổi, mũi 2 lúc vịt bắt đầu đẻ.

Đối với chủng IIS tiêm vaccin sống chủng IIS

Đối với chủng III tiêm phòng bằng vaccin virus sống pha loãng chủng III cho vịt giống.

3. Bệnh phó thương hàn (*Salmonellosis- Paratyphoid infection*)

Bệnh Salmonella là bệnh cấp tính hoặc mãn tính của vịt do một hoặc nhiều loại vi khuẩn salmonella gây ra. Salmonella có nhiều trong tự nhiên, động vật, gia cầm và người bị nhiễm hoặc mang vi khuẩn. Bệnh salmonella có 2 điểm quan trọng đáng chú ý:

- Bệnh thường xảy ra ở vịt con, tỷ lệ chết cao.
- Nguy hiểm cho con người.

a) Nguyên nhân

Bệnh có ở khắp nơi trên thế giới, một số vịt chỉ mắc một chủng nhưng một số khác lại mắc nhiều chủng cùng một lúc, vi khuẩn thường tồn tại ở trong ruột già và manh tràng của vịt, vịt ở bất cứ lứa tuổi nào đều mắc cảm với salmonella nhưng triệu chứng lâm sàng thường thấy ở vịt con. *S.pullorum* và *S.gallinarum* là 2 chủng quan trọng nhất gây bệnh cho gà nhưng ít ảnh hưởng đối vịt. Những vịt nhốt chung với gà bị nhiễm *S.pullorum* thì vịt cũng bị nhiễm bệnh, nhưng bệnh *Salmonella* không có khuynh hướng truyền từ thể hệ này sang thể hệ khác.

Trong vài trường hợp *S.gallinarum* gây ra nhiễm bệnh tự nhiên làm chết vịt con từ 1-14 ngày tuổi. Nhưng khả năng chống bệnh của vịt tốt hơn gà.

Salmonella anatum thường gây chết vịt con đột ngột nhưng đôi khi chuyển sang thể mãn tính trong vài ngày. Một ổ dịch vịt nguy hiểm gây thiệt hại tới 30%. Trong một ổ bệnh vịt con chết từ lúc mới nở thiệt hại khoảng 1-60%.

Vi khuẩn *Salmonella* rất mẫn cảm với nhiệt độ và chất khử trùng mạnh. Thời gian sống ở trong chất độn chuồng thường khá dài. Ở những ô chuồng hết vịt mà bị nhiễm bệnh thì vi khuẩn vẫn sống được trong chất độn chuồng hơn 30 tuần. Vi khuẩn có thể sống ở trong phân đến 28 tuần, trong bụi bẩn của nhà ấp và kho trong điều kiện bình thường tới 5 năm và ở vỏ trứng trong máy ấp từ 3-4 tuần.

Một trong cách lan truyền bệnh quan trọng nhất là truyền trực tiếp qua trứng. Cách phổ biến thứ hai là vi khuẩn xuyên qua vỏ trứng trong quá trình đẻ trứng và trong ổ đẻ. Hầu hết các loại vi khuẩn đều có lông roi và có thể di động được.

b) Triệu chứng lâm sàng

Vịt con bị nhiễm *Salmonella* từ trứng thì biểu hiện đầu tiên là vị trí gao mỏ cao và chết phôi ở giai đoạn gao mỏ. Những con chết trong khi ấp hoặc sau khi nở vài ngày mà không có triệu chứng tỏ bị nhiễm trong quá trình ấp.

Triệu chứng ở vịt con thấy sã cánh, rụng lông, mất điều hoà, khát nước, ỉa chảy, vịt đứng cụp lại gần chup sưởi. Bệnh do *Salmonella typhimurium* thường bị viêm khớp. Tính khốc liệt của bệnh phụ thuộc vào điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng như thiếu vitamin A gây stress.

c) Bệnh tích

Ở thể cấp tính thì không có biểu hiện gì. Trong trường hợp diễn biến bệnh dài, lòng đỏ không được hấp thu hết. Lách và gan sưng, có hoặc không có những đám hoại tử. Bệnh tích điển hình nhất là ở manh tràng có chứa bã đậu hoặc trực tràng sưng có đốm. Đôi khi thấy viêm màng tim, viêm túi khí hoặc khớp đầu gối.

d) Phòng và trị bệnh

Không nên dùng kháng sinh liều cao để phòng vì nếu trộn kháng sinh trong thức ăn ở thời gian dài sẽ làm cho vi khuẩn có khả năng kháng thuốc trong ruột vịt.

- Dùng Chlotetracyclin hoặc Oxytetracyclin với hàm lượng 0,044% trộn với thức ăn đã cho kết quả điều trị tốt.

- Dùng Sylfonamid trộn Trimethoprin với liều 0,04 - 0,08%, trộn với thức ăn cũng cho kết quả phòng và điều trị tốt.

- Dùng Colidox-plux liều điều trị 1g/2lít nước hoặc trộn vào thức ăn 1g cho 1 - 1,5 kg thức ăn. Liều phòng chỉ bằng 1/2 liều điều trị.

IV. Hội chứng nhiễm trùng máu (*Anatipestifer Sydrome-AS*)

Bệnh truyền nhiễm của vịt con từ 1-8 tuần tuổi đặc trưng bởi triệu chứng hô hấp và thần kinh. Nguyên nhân do vi khuẩn *P.anatipestifer*. Bệnh gây thiệt hại kinh tế nghiêm trọng, gây chết hàng loạt trong chăn nuôi vịt công nghiệp.

a) Nguyên nhân

P.anatipestifer là vi khuẩn gram (-) mảnh, đôi khi lưỡng cực hình que nhỏ, hoặc phát triển thành những sợi nhỏ ngắn, nó chỉ phát triển trong chất môi giới đặc biệt (Ví dụ: thạch aga) dưới điều kiện tăng CO₂ trong vòng 24-48 giờ.

Khuẩn lạc nhỏ như hạt sương, màu hơi xanh hoặc phát triển thành những đám làm lên men các loại đường: glucoza, lactoza, maltoza, sucroza, phân huỷ gelatin. Gà thường miễn cảm với vi khuẩn loại này. Vịt con bị nhiễm vi

khuẩn qua tổn thương ở da và qua hít thở không khí. Cường độ của bệnh trong một đàn vịt phụ thuộc vào điều kiện môi trường, tác nhân stress, hoặc bị nuôi ở nơi quá lạnh với ẩm độ cao. Những vịt khỏi bệnh thường có miễn dịch với bệnh này.

b) Triệu chứng lâm sàng

Bệnh thấy ở thể cấp, quá cấp và mãn tính. Thường xảy ra ở vịt con và gây chết đột ngột không có triệu chứng gì, hoặc chết trong vòng vài giờ sau khi có triệu chứng đầu tiên.

Ở thể mãn tính, vịt thường chết từ 6-7 ngày sau khi ốm, một vài con có triệu chứng đường hô hấp, lúc đầu mắt và mũi có nước chảy ra sau bị mù mắt, vịt ốm không ăn, ỉa chảy, lông xung quanh hậu môn dính bẩn màu xanh, vịt bị nhiễm bệnh gây rất nhanh và không đứng vững. Lúc đầu vịt bị bệnh còn cố gắng theo kịp đàn, nhưng sau chúng không theo được và bị tụt lại. Nếu bị kích thích, chúng loạng choạng đi từng bước rồi ngã lăn ra và nằm ngửa bụng lên. Một số vịt bơi vòng quanh, số khác thì đầu và cổ run rẩy, có con bị sưng mắt, khó thở, một số bị sưng khớp, một số bị ngoẹo cổ hoặc vẹo đuôi.

Tỷ lệ chết từ 5 - 80% phụ thuộc vào độc lực của vi khuẩn và điều kiện môi trường. Bệnh gây thiệt hại kinh tế lớn.

c) Bệnh tích

Ở thể cấp ít thấy biểu hiện, một số bị viêm màng tim có dịch, viêm gan, trên bề mặt gan phủ một lớp màng mỏng. Túi khí có thể bình thường hoặc hơi đục, hoặc đầy lên ở một số điểm. Ở thể cấp vịt bỏ ăn.

Thể á cấp hoặc mãn tính: Viêm màng tim, viêm gan và túi khí, dịch thấm xuất có fibrin, so với bệnh *P.anatipestifer* thì fibrin dai, chắc và khó cắt. Túi khí bao phủ toàn bộ mặt trước của phổi và bị nhiễm hoàn toàn dịch có bã đậu và đôi khi thấy ở xoang mắt.

Thể á cấp tính và mãn tính: Có hội chứng bỏ ăn, khác với bệnh *E.coli*- *septicaemia* ở chỗ dịch thấm xuất rất chắc không thể cắt mỏng được, không dai, không khô nhưng có nhiều fibrin giống như lớp sữa đông. Đặc biệt tiểu não bị phù và xuất huyết li ti.

d) Phòng trị bệnh

Nguyên nhân dẫn đến nhiễm bệnh là do tổn thương ở da như vết mổ lông nhau, mật độ quá đông, cở đại hoặc gai đâm vào...

Trong công tác phòng bệnh là chăm sóc tốt, tránh tác động của thời tiết đối với vịt con từ 1-3 tuần tuổi. Kháng sinh có hoạt phổ rộng là Sulfanamides, thuốc có tác dụng điều trị bệnh, nhưng khi dùng thuốc bệnh sẽ tái phát. Aureomycin hoặc oxytetracylin liều 100-200g/ tấn thức ăn điều trị trong 5 ngày có tác dụng tốt hoặc novobiocin và lincomycin cho ăn với liều lượng vừa đủ cũng có tác dụng tốt. Vacxin nhược độc tiêm bắp ở giai đoạn 3 tuần tuổi có tác dụng tốt đối với những ổ dịch lẻ tẻ.

Tiêm vacxin là bảo vệ chắc chắn cho vịt đến tận 7 tuần tuổi.

5. Bệnh nấm (*Aspergillosis*)

Bệnh chủ yếu gây ảnh hưởng ở bộ máy hô hấp của vịt. Bệnh thường xuất hiện ở vịt con lúc 2 tuần tuổi, vịt lớn bệnh xảy ra lẻ tẻ và ở thể mãn tính.

a) Nguyên nhân

Bệnh do nấm *Aspergillus fumigatus*. Bệnh chủ yếu lây lan ngoài không khí, vịt hít phải những bào tử nấm ở môi trường xung quanh.

Nguyên nhân bệnh là do trong không khí chứa một hàm lượng lớn bào tử nấm, chất độn chuồng, thức ăn mốc là nguồn sản sinh bào tử.

Tỷ lệ nhiễm nấm ở giai đoạn ấp cũng đáng chú ý. Không khí bị ô nhiễm nặng sẽ gây nhiễm cho những trứng bị rạn nứt, đôi khi cả vào những trứng trứng lành. Nấm sinh sản trong trứng khi ấp và kìm hãm sự phát triển của phôi, những bào tử sản sinh ra, bay ra khỏi những trứng rạn nứt nhiễm vào vịt con. Ở những trường hợp này có thể quan sát thấy những triệu chứng hô hấp ngay từ lúc 1 ngày tuổi và sau vài ngày vịt sẽ chết.

b) Triệu chứng lâm sàng

Triệu chứng quan trọng nhất là hiện tượng khó thở nếu vịt bị xua đuổi. Vịt chết thường xảy ra nhưng chỉ đáng chú ý ở những ổ dịch lớn.

Vịt thường có triệu chứng biếng ăn, gầy yếu, có thể chết vài giờ sau khi xuất hiện triệu chứng đầu tiên.

c) Bệnh tích

Vịt con một ngày tuổi thường có bệnh tích ở phổi, bên trong có những nốt hoại tử như hạt kê, xuất hiện những u màu vàng lốm.

Ở vịt lớn thì những u lớn hơn và thông thường túi khí cũng bị nhiễm. Những vết riêng lẻ hoặc những đám màu xanh ở túi khí có dạng bã đậu. Ở những vịt mẹ thì đám nấm to và dễ nhận. Bệnh tích thấy ở khí quản có thể gây

ngạt thở. Bệnh còn thấy ở xương ống, đôi khi có hướng lan tràn và chất độc ảnh hưởng đến các cơ quan lân cận như gan, tim, mắt, não, da.

d) Phòng bệnh

Bệnh khó chữa được, nhưng chất độn chuồng hoặc thức ăn mốc và không khí trong buồng ấp chứa những bào tử nấm là nguồn lây nhiễm chính.

Phải đặc biệt khâu vệ sinh nhà ấp, máy ấp, máy nở, kho bảo quản trứng. Chất độn chuồng và thức ăn phải đảm bảo khô không ối mốc. Nếu chất độn chuồng bị mốc phải thay ngay nhưng không được để trong chuồng vịt.

6. Bệnh AFLATOXIN (*Aflatoxicosis*)

Bệnh do độc tố từ nấm mốc tiết ra gọi là mycotoxin. Trong hầu hết các trường hợp thức ăn đều bị nhiễm chất độc này. Nấm sinh sản và tiết ra độc tố gây bệnh cho động vật gọi là mycosis. Aflatoxin làm ức chế tế bào sinh sản, ức chế khả năng miễn dịch, gây ung thư, quái thai.

Bệnh Aflatoxin là một bệnh nhiễm độc tố do quá trình trao đổi chất của nấm *Aspergillus flavus* tiết ra. Các loài nấm khác cũng có thể sản sinh ra loại độc tố trên. Loại nấm này có ở khắp nơi trong tự nhiên nhưng chỉ một số loài sống trong những điều kiện môi trường nhất định mới sản sinh độc tố.

Nấm *A. flavus* là dòng sản sinh Aflatoxin từ chất độn chuồng và bụi bẩn ở chuồng nuôi. Độc tố chỉ được sản sinh ra trong điều kiện môi trường nóng, ẩm độ cao. Vịt con là loại mẫn cảm nhất. Bệnh Aflatoxin có thể xuất hiện

ở vịt mọi lứa tuổi. Cường độ của bệnh phụ thuộc và hàm lượng độc tố.

a) Triệu chứng lâm sàng

Bệnh do độc tố nên không lây lan, triệu chứng rất khác nhau phụ thuộc vào hàm lượng độc tố và tuổi của vịt. Thời gian nung bệnh từ lúc vịt ăn phải thức ăn bị nhiễm độc đến lúc xuất hiện triệu chứng lâm sàng có thể kéo dài tới 2 tuần.

Biểu hiện đầu tiên là vịt chậm lớn, kém ăn, lông rụng. Thường thấy đi khập khiễng, màng chân và chân biến thành màu đỏ do xuất huyết dưới da.

Vịt con bị mất điều hoà sau đó co giật trước khi chết.

c) Bệnh tích

Bệnh tích ở vịt con rất khác nhau phụ thuộc vào thời gian sống sót và tuổi của vịt. Ở vịt lớn thấy xuất hiện dịch thấm xuất huyết dưới da, xương ống chân và màng chân. Những biến đổi ở gan thường là do độc tố. Vịt con mới nở chết trong vòng 1 tuần do nhiễm Aflatoxin, gan sưng màu xám. Thận sưng và xuất huyết li ti, gan bị teo, có khi bị vỡ gan. Không thấy phù màng tim, thận sưng chứa đầy nốt xuất huyết.

Biến đổi bệnh lý thường thấy ở gan, thận và tụy. Trường hợp bệnh kéo dài có hiện tượng tăng sinh ở nhiều chỗ. Thận và ruột non cũng xuất huyết li ti, tế bào biểu mô ống trương to. Nếu muốn xác định chắc chắn cho vịt con 1 ngày tuổi ăn thức ăn nghi bị nhiễm độc và dùng phương pháp phân tích bằng sắc ký lớp mỏng với dung dịch chiết xuất từ thức ăn đem soi đèn tử ngoại, hợp chất Aflatoxin phát màu huỳnh quang xanh.

c) Phòng trị bệnh

Chưa có thuốc chữa hiệu nghiệm, nhưng kinh nghiệm cho thấy nếu thay đổi thức ăn có chứa Aflatoxin bằng thức ăn tốt thì vịt sẽ hồi phục nhanh.

Cần kiểm tra thức ăn như khô lạc, khô dầu dừa, đậu tương, ngô có chứa Aflatoxin không. Nên mua thức ăn từ những nơi có kiểm tra Aflatoxin.

Thức ăn phải để nơi khô ráo, không dùng thức ăn mốc.

Cọ rửa máng ăn, máng uống thường xuyên.

Phương pháp tốt có thể dùng để phòng mycotoxin là phun thuốc vì hầu hết các nấm sản sinh độc tố đều phát triển ở ngũ cốc trong giai đoạn dự trữ.

Các chất ức chế sự phát triển của nấm và liều lượng:

1. 8-Hydroxyquinoline 500 ppm (0,5g/ kg thức ăn).
2. Gentian violet 500 - 1500 ppm (0,5 - 1,5 g/kg thức ăn).
3. Propionic acid 500 - 1500 ppm (0,5 - 1,5 g/ kg thức ăn)
4. Thiabendazole 100 ppm (100mg/ kg thức ăn)

Vì bệnh độc tố sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng tại Việt Nam, nên cần dùng các chất ức chế trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Zucht-HalTung-Futterung. *Cơ sở sinh học của nhân giống và nuôi dưỡng gia cầm*. Nhà xuất bản KHKT 1972.
2. Phạm Quang Hùng, Đặng Vũ Bình, Nguyễn Văn Thắng, Đinh Thị Nông, Đoàn Liên, Nguyễn Thị Tú. *Giáo trình chăn nuôi cơ bản*. Trường đại học Nông nghiệp I (2002).
3. Phạm Quang Hùng. *Tạp chí KHKT nông nghiệp*. Trường đại học Nông nghiệp I (2001)
4. Phạm Quang Hùng. *Thông tin KHKT nông nghiệp*. Trường đại học Nông nghiệp I (1985)
5. Bùi Quang toàn, Đào Đức Long, Nguyễn Trí Bảo. *Sổ tay chăn nuôi gia cầm*.
6. Phạm Quang Hùng. *Kết quả nghiên cứu KHKT khoa chăn nuôi thú y (1999-2001)*
7. Phạm Quang Hùng, Nguyễn Đức Trọng. *Theo dõi một số chỉ tiêu sản xuất trứng của hai giống vịt Khakicampbell và CV-2000 Layer nuôi tại trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên*. Báo cáo 2002
8. Đào Đức Long, Nguyễn Trí Bảo. *Nuôi vịt ngỗng chăn thả*. NXB Nông nghiệp
9. Đào Đức Long, Nguyễn Trí Bảo. *Nuôi vịt ngỗng chăn thả* (in lần 2). NXB Nông nghiệp - 1986

10. Bùi Quang Toàn, Đào Đức Long, Nguyễn Trí Bảo. *Nuôi gia cầm con*. NXB Nông nghiệp - 1980
11. TS. Lương Tất Nhợ, PGS - TS. Hoàng Văn Tiệu. *Nuôi vịt siêu thịt*. NXB Nông nghiệp - 2001
12. TS. Lương Tất Nhợ. *Hướng dẫn nuôi vịt đạt năng suất cao*. NXB Nông nghiệp - 2000
13. Nguyễn Văn Trọng, Hoàng Văn Tiệu, Nguyễn Đăng Vang và cộng tác viên. *So sánh một số chỉ tiêu năng suất của vịt CV Super M dòng ông, dòng bà của hai phương thức nuôi khô và nuôi nước. Tuyển tập các công trình nghiên cứu và chuyển giao TBKT chăn nuôi vịt*. NXB Nông nghiệp - 1997
14. H Đơcavin- A Đơcrut. *Ngan vịt*. NXB Nông nghiệp - 1985
15. J Stumpf và Kletiv. *Pece o zdravi Hospodarskych Zvirat*. Statni Zemedelske Nakladatelstvi - Praha
16. Blaha - Smer - Jakuec. *Specialni Zootechnika Tropu a Subtrodu*. SZN 1968
17. Phạm Quang Hùng. *Con vịt với người nông dân*. NXB Nông nghiệp - 2003

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Câu hỏi 1: Gà con, vịt con mới nở có đặc điểm gì cần lưu ý?	5
Câu hỏi 2: Ở Việt Nam hiện nay thường nuôi những giống gà, vịt nào?	6
Câu hỏi 3: Làm thế nào để chọn được con giống mới nở tốt?	11
Câu hỏi 4: Yếu tố nào ảnh hưởng đến chất lượng ứm gà, vịt?	12
Câu hỏi 5. Ứm gà con cần chú ý và chăm sóc như thế nào?	14
Câu hỏi 6: Gột vịt con giai đoạn 1 - 28 ngày tuổi phải làm những việc gì?	24
Câu hỏi 7: Vịt con hay mắc những bệnh gì và cách phòng trị như thế nào?	31
Tài liệu tham khảo	45

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CAO DOANH

Phụ trách bản thảo
BÍCH HOA - HOÀI ANH

Trình bày bìa
LÊ THƯ

Nhà xuất bản Nông nghiệp

167/6 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (04) 8 521940 - 8 523887 Fax: (04) 5 762767

Chi nhánh Nhà xuất bản Nông nghiệp

58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận I, TP Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 8 297157 - 8 294521 Fax: (08) 9 101036

In 1000 bản, khổ 13 x 19 cm, tại Xưởng in NXB Nông nghiệp.
Quyết định in số 229-2007/CXB/ 669-21/NN do Cục Xuất bản
cấp ngày 17/3/ 2008. In xong và nộp lưu chiểu Quý II/2008.